



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Đơn vị tổ chức đào tạo: Khoa Tiếng Anh, Học viện Ngoại giao

Phòng: D510-D517, Email: KHOATIENGANH@dav.edu.vn

❖ MỤC TIÊU:

Chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội về lĩnh vực Ngôn ngữ và một số lĩnh vực liên ngành. Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật; kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Ngôn ngữ Anh; và kiến thức chuyên ngành và liên ngành theo một trong các định hướng nghề nghiệp được lựa chọn (Biên - Phiên dịch đối ngoại, Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh, Tiếng Anh Báo chí - Truyền thông). Sinh viên có năng lực sử dụng tiếng Anh thành thạo trong hoạt động đối ngoại và các hoạt động chuyên môn; cùng một ngoại ngữ 2 khác ngoài Tiếng Anh với trình độ tối thiểu đạt mục đích giao tiếp trong đời sống và trong công việc. Sinh viên được phát triển các kỹ năng nghiệp vụ và kỹ năng mềm đa dạng, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả, có năng lực nghiên cứu và tự học để phát triển nghề nghiệp. Sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm với xã hội, và có khả năng thích ứng và hội nhập cao trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

❖ CHUẨN ĐẦU RA:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Mã CDR	Nội dung CDR	Trình độ năng lực
KIẾN THỨC		
PLO1	Hiểu được những kiến thức cơ bản của khoa học xã hội, Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước	2/6
PLO2	Vận dụng các kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học, ngôn ngữ Anh và các kiến thức về văn hóa, văn học, xã hội các nước nói tiếng Anh để phân tích, đánh giá, biên soạn, biên tập các văn bản, thông tin, tài liệu tiếng Anh nhằm phục vụ các hoạt động chuyên môn theo định hướng nghề nghiệp (Biên – Phiên dịch đối ngoại/Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh/Tiếng Anh Báo chí - Truyền thông).	4/6
PLO3	Vận dụng kiến thức tiếng Anh chuyên ngành và kiến thức bổ trợ chuyên ngành để phân tích, đánh giá, biên soạn, biên tập, biên dịch các văn bản, thông tin, tài liệu tiếng Anh chuyên ngành và thực hiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn theo định hướng nghề (Biên – Phiên dịch đối ngoại/Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh/Tiếng Anh Báo chí - Truyền thông).	4/6
KỸ NĂNG		
PLO4	Sử dụng thành thạo Tiếng Anh ở cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với trình độ tối thiểu đạt bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tương đương C1 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung Châu Âu CEFR hoặc IELTS 7.0.	5/5
PLO5	Sử dụng ngoại ngữ 2 hiệu quả trong giao tiếp cơ bản với trình độ tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tương đương B1 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung Châu Âu CEFR.	3/5



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

PLO6	Thực hiện kỹ năng biên dịch và phiên dịch trong công tác chuyên môn theo định hướng nghề nghiệp (Biên – Phiên dịch đối ngoại/Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh/Tiếng Anh Báo chí - Truyền thông).	3/5
PLO7	Kết hợp các kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, viết và biên tập tin bài, báo cáo; kỹ năng thuyết trình, diễn giải, bình luận bằng tiếng Anh nhằm phục vụ cho các hoạt động chuyên môn theo định hướng nghề nghiệp.	4/5
PLO8	Kết hợp các kỹ năng tư duy phản biện và phương pháp nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ nói riêng và khoa học xã hội nói chung để phục vụ công tác chuyên môn và nâng cao trình độ.	4/5
PLO9	Kết hợp các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm, tổ chức sự kiện, quan hệ công chúng, tiếp xúc báo chí, trả lời phỏng vấn, đàm phán, tổ chức/chủ trì hội nghị... để vận dụng vào công tác chuyên môn trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.	4/5
PL10	Vận dụng các kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý lãnh đạo, nhận diện và giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng và hội nhập trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.	3/5



PLO 11	Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng như: MS Word, Excel, Powerpoint, và các ứng dụng công nghệ thông tin cập nhật, phục vụ hiệu quả cho công việc.	5/5
MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
PLO 12	Thể hiện được phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, và tinh thần phụng sự nhân dân, đất nước.	4/5
PLO 13	Thể hiện tính tự chủ trong công việc và đời sống, có ý thức tự học tập, tự định hướng, nghiên cứu tích lũy kinh nghiệm, cập nhật kiến thức nhằm liên tục nâng cao trình độ chuyên môn.	3/5

❖ CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CTĐT

1. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh tại Học viện Ngoại giao được xây dựng trên cơ sở tính đến sự khác biệt về trình độ Tiếng Anh của sinh viên khi nhập học. Vì vậy, trước khi bắt đầu theo học CTĐT, sinh viên được đánh giá phân loại trình độ tiếng Anh và xếp vào hai nhóm trình độ: Trung cấp và Nâng cao, cụ thể như sau:

a. **Trình độ Tiếng Anh Trung cấp:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

-Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kỳ kiểm tra trình độ Tiếng Anh đầu vào do Khoa Tiếng Anh tổ chức (sau đây gọi tắt là kỳ kiểm tra trình độ);

-Sinh viên có chứng chỉ IELTS đạt điểm từ 4.5 đến 5.5 hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương theo Quy định đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế mới nhất được Lãnh đạo Học viện Ngoại giao phê duyệt (sau đây gọi tắt là Quy định đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế của Học viện Ngoại giao).

b. **Trình độ Tiếng Anh Nâng cao:** căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

-Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong kỳ kiểm tra trình độ;



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

-Sinh viên có chứng chỉ IELTS đạt điểm từ 6.0 trở lên hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương theo Quy định đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế của Học viện Ngoại giao);

-Sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi Học sinh giỏi Tiếng Anh cấp Quốc gia/Tỉnh/Thành phố.

Sinh viên thuộc nhóm trình độ Tiếng Anh Trung cấp sẽ phải hoàn thành 02 học phần Tiếng Anh cơ sở trong năm 1 (tiếng Anh cơ sở III và IV) trước khi học lên các học phần Tiếng Anh chuyên ngành. Sinh viên thuộc nhóm trình độ Tiếng Anh Nâng cao được miễn học các học phần Tiếng Anh cơ sở; thay vào đó, sinh viên học các học phần Tiếng Anh chuyên ngành ngay từ học kỳ I năm 1 và học 02 học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn.

2. Cấu trúc của chương trình đào tạo và khối lượng học tập

A. Cấu trúc CTĐT:

STT	Nội dung	Số tín chỉ của Trình độ TA Trung cấp (TC)**	Số tín chỉ của Trình độ TA Nâng cao (NC)***	Số TC Bắt buộc		Số TC Tự chọn	
				TC	NC	TC	NC
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương*	22		22			
1a	Lý luận chính trị và pháp luật đại cương	13		13			
1b	Ngoại ngữ 2	9		9			
1c	<i>Năng lực số, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng -an ninh *</i>	13 *		13			
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90		57	51	33	39



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

2a	Kiến thức cơ sở khối ngành	14		14			
2b	Kiến thức cơ sở ngành	15	09	15	09		
2c	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	28		28			
2d	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	18	24			18	24
	<i>Kiến thức bổ trợ</i>	09	09			09	09
	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	09	15			09	15
2e	Kỹ năng tự chọn	15				15	
3	Hướng nghiệp, thực tập và tốt nghiệp*	10		10			
	Tổng*	122		89	83	33	39

B. Nội dung CTĐT:

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương*: 22 tín chỉ

1.1. Lý luận chính trị và pháp luật đại cương: 13 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Triết học Mác – Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật đại cương	IL.003.02	02	Tiếng Việt

1.2. Ngoại ngữ 2: 09 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Ngoại ngữ 2 (I)		03	Ngoại ngữ
2	Ngoại ngữ 2 (II)		03	Ngoại ngữ
3	Ngoại ngữ 2 (III)		03	Ngoại ngữ

Sinh viên có thể lựa chọn học Ngoại ngữ 2 là Tiếng Đức, Tiếng Hàn, Tiếng Nhật, tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Tây Ban Nha

1.3. Năng lực số, Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh*

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Năng lực số*	IT.002.02	02	Tiếng Việt
2	Giáo dục thể chất*	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
3	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

* Năng lực số, Giáo dục thể chất, và Giáo dục quốc phòng - an ninh là các học phần sinh viên phải hoàn thành để đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng không tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT cũng như điểm trung bình chung tích lũy.



2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*: 90 tín chỉ

2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành: 14 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	02	Tiếng Việt
2	Tâm lý học đại cương	FC.008.02	02	Tiếng Việt
3	Xã hội học đại cương	FC.009.02	02	Tiếng Việt
4	Dẫn luận ngôn ngữ học	E.001.02	02	Tiếng Việt
5	Tiếng Việt thực hành	E.002.02	02	Tiếng Việt
6	Ngôn ngữ học đối chiếu	E.003.02	02	Tiếng Việt
7	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	E.050.02	02	Tiếng Việt

2.1. Kiến thức cơ sở ngành:

- Sinh viên trình độ Tiếng Anh Trung cấp: 15 tín chỉ (học Tiếng Anh cơ sở III và IV)
- Sinh viên trình độ Tiếng Anh Nâng cao: 09 tín chỉ (được miễn học Tiếng Anh cơ sở III và IV)

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Tiếng Anh cơ sở III**	E50.03.03	03	Tiếng Anh
2	Tiếng Anh cơ sở IV**	E50.04.03	03	Tiếng Anh
3	Ngữ âm tiếng Anh thực hành	E.004.03	03	Tiếng Anh



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

4	Ngữ pháp lý thuyết tiếng Anh	E.010.02	02	Tiếng Anh
5	Ngữ âm - âm vị học tiếng Anh	E.011.02	02	Tiếng Anh
6	Ngữ dụng học tiếng Anh	E.012.02	02	Tiếng Anh

*** Chỉ dành cho sinh viên trình độ Tiếng Anh Trung cấp*

2.3. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 28 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Văn học Anh - Mỹ	E.008.02	02	Tiếng Anh
2	Đất nước học Anh - Mỹ	E.009.02	02	Tiếng Anh
3	Phân tích diễn ngôn	E.051.02	02	Tiếng Anh
4	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng	E.005.02	02	Tiếng Anh
5	Lý thuyết biên - phiên dịch	E50.018.02	02	Tiếng Anh
6	Biên dịch I	E50.019.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
7	Biên dịch II	E50.020.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
8	Biên dịch III	E50.021.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
9	Tiếng Anh chuyên ngành I	E50.05.03	03	Tiếng Anh
10	Tiếng Anh chuyên ngành II	E50.06.03	03	Tiếng Anh



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

11	Tiếng Anh chuyên ngành III	E50.07.03	03	Tiếng Anh
----	----------------------------	-----------	----	-----------

2.4. Kiến thức chuyên ngành tự chọn theo định hướng nghề:

Trên cơ sở định hướng nghề nghiệp của mình, sinh viên lựa chọn một trong 03 nhóm các học phần: (i) Tiếng Anh Biên – Phiên dịch đối ngoại; (ii) Tiếng Anh Kinh tế – Kinh doanh; và (iii) Tiếng Anh Báo chí – Truyền thông, cụ thể như sau:

- Sinh viên trình độ Tiếng Anh Trung cấp: 18 tín chỉ, gồm 09 tín chỉ kiến thức bổ trợ và 09 tín chỉ chuyên ngành theo định hướng nghề nghiệp
- Sinh viên trình độ Tiếng Anh Nâng cao: 24 tín chỉ, gồm 09 tín chỉ kiến thức bổ trợ, 12 tín chỉ chuyên ngành theo định hướng nghề nghiệp và 03 tín chỉ chuyên ngành tự chọn bổ sung

Sinh viên cần đăng ký nhóm học phần tự chọn với Khoa Tiếng Anh trước khi bắt đầu học kỳ III (tức học kỳ I năm 2) và sẽ không được thay đổi lựa chọn trong suốt quá trình học.

Cố vấn học tập và giảng viên chủ nhiệm khóa của Khoa Tiếng Anh sẽ hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên đưa ra các quyết định lựa chọn phù hợp.

(i) Định hướng Tiếng Anh Biên - Phiên dịch đối ngoại

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
Kiến thức bổ trợ theo định hướng nghề				
1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.03	03	Tiếng Việt
2	Chính sách đối ngoại Việt Nam	IR.046.03	03	Tiếng Việt
3	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	Tiếng Việt
Kiến thức chuyên ngành theo định hướng nghề				
4	Tiếng Anh chuyên ngành IV Quan hệ quốc tế	E50.08.03	03	Tiếng Anh



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

5	Tiếng Anh chuyên ngành V Quan hệ quốc tế***	E50.09.03	03	Tiếng Anh
6	Chuyên ngành theo định hướng nghề 1: Phiên dịch cơ bản (I)	E50.023.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
7	Chuyên ngành theo định hướng nghề 2: Phiên dịch nâng cao (II)	E50.024.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh

*** Chỉ dành cho sinh viên trình độ Tiếng Anh Nâng cao

(ii) Định hướng: Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
Kiến thức bổ trợ theo định hướng nghề				
1	Kinh tế học ứng dụng	IE.060.03	03	Tiếng Việt
2	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	Tiếng Việt
3	Kinh doanh quốc tế	IE.042.03	03	Tiếng Việt
Kiến thức chuyên ngành theo định hướng nghề				
4	Tiếng Anh chuyên ngành IV Kinh tế quốc tế	E50.10.03	03	Tiếng Anh
5	Tiếng Anh chuyên ngành V Kinh tế quốc tế***	E50.11.03	03	Tiếng Anh
6	Chuyên ngành theo định hướng nghề 1: Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	E.054.03	03	Tiếng Anh
7	Chuyên ngành theo định hướng nghề 2: Biên - phiên dịch về kinh tế - thương mại	E.055.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

*** Chỉ dành cho sinh viên trình độ Tiếng Anh Nâng cao

(iii) Định hướng: Tiếng Anh Báo chí – Truyền thông

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
Kiến thức bổ trợ theo định hướng nghề				
1	Đại cương truyền thông quốc tế	IC.061.03	03	Tiếng Việt
2	Báo in và báo mạng – điện tử	IC.011.03	03	Tiếng Anh
3	Phân tích sự kiện quốc tế trên truyền thông	IC.045.03	03	Tiếng Anh
Kiến thức chuyên ngành theo định hướng nghề				
4	Tiếng Anh chuyên ngành IV Truyền thông quốc tế	E50.14.03	03	Tiếng Anh
5	Tiếng Anh chuyên ngành V Truyền thông quốc tế***	E50.15.03	03	Tiếng Anh
6	Chuyên ngành theo định hướng nghề 1: Ngôn ngữ báo chí Tiếng Anh	E.052.03	03	Tiếng Anh
7	Chuyên ngành theo định hướng nghề 2: Viết Tiếng Anh truyền thông đại chúng	E.053.03	03	Tiếng Anh

*** Chỉ dành cho sinh viên trình độ Tiếng Anh Nâng cao

(iv) Học phần chuyên ngành tự chọn bổ sung dành cho nhóm sinh viên trình độ Tiếng Anh Nâng cao không phân biệt định hướng nghề nghiệp :

Bên cạnh các học phần Chuyên ngành theo định hướng nghề 1 và 2 nêu trên, sinh viên trình độ Tiếng Anh Nâng cao chọn học thêm 01 học phần chuyên ngành tự chọn (tương đương 03 tín chỉ) trong số các học phần sau:



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Biên dịch IV (Biên dịch nâng cao) ***	E50.022.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
2	Ngoại khóa biên phiên dịch***	E.033.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
3	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh***	E.030.03	03	Tiếng Anh

*** Chỉ dành cho sinh viên trình độ Tiếng Anh Nâng cao

2.5. Kỹ năng tự chọn: 15 tín chỉ

Sinh viên cần lựa chọn 05 học phần trong danh sách các học phần dưới đây. Cố vấn học tập và giảng viên chủ nhiệm của Khoa sẽ hướng dẫn sinh viên lựa chọn các học phần phù hợp.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	IR.024.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
2	Kỹ năng thuyết trình	E.024.03	03	Tiếng Anh
3	Kỹ năng tổ chức sự kiện	E.025.03	03	Tiếng Anh
4	Kỹ năng quan hệ công chúng	E.026.03	03	Tiếng Anh
5	Kỹ năng chủ trì hội nghị	E.027.03	03	Tiếng Anh
6	Kỹ năng đàm phán	E.028.03	03	Tiếng Anh



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

7	Kỹ năng viết báo cáo	E.029.03	03	Tiếng Anh
8	Kỹ năng tư duy phản biện	E.041.03	03	Tiếng Anh
9	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	E.042.03	03	Tiếng Anh
10	Kỹ năng viết học thuật	E.043.03	03	Tiếng Anh
11	Kỹ năng làm việc nhóm	E.057.03	03	Tiếng Anh

3. Hướng nghiệp, thực tập và tốt nghiệp*: 10 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Hướng nghiệp*	AAD.036.03	03	Tiếng Việt
2	Thực tập cuối khóa*	E.037.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
3	-Khóa luận tốt nghiệp Hoặc	E.038.10	10	Tiếng Anh
	-Học và thi một số học phần chuyên môn**			

** Hướng nghiệp và Thực tập cuối khóa là các học phần sinh viên phải hoàn thành để đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

** Tùy theo kết quả học tập, năng lực của sinh viên và điều kiện về giảng viên hướng dẫn, sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần chuyên môn sau đây thay thế Khóa luận tốt nghiệp:



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Viết thư tín ngoại giao	E.058.02	03	Tiếng Anh
2	Xây dựng dự án	E.032.03	03	Tiếng Anh
3	Phát triển nghề nghiệp	E.034.03	03	Tiếng Anh
4	Giao tiếp liên văn hóa	E.035.02	02	Tiếng Anh